

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 5 - 2021
V/v tranh chấp ly hôn, chia tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tăng Giàu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Tiền

Ông Nguyễn Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quốc Đại - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Châu Hoa Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 563/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989; địa chỉ ấp B, xã Vĩnh Mỹ B, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Hồ Thanh T, sinh năm 1975; địa chỉ ấp M, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2020 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh T và chị T được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương vào ngày 20/5/2020, nhưng chưa có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do chưa có thời gian. Việc kết hôn là do hai người tự tìm hiểu rồi mới kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống gia đình luôn căng thẳng không hàn gắn được, hiện tại anh chị không còn sống chung, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh yêu cầu ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ: Anh và chị T không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong ngày tổ chức lễ cưới gia đình anh T có cho anh T và chị T một cây vàng 18k (bộ vòng đeo tay 14 chiếc), có sự chứng kiến của họ hàng hai bên. Đồng thời anh T đã đóng hụi trong thời gian anh và chị T sống

chung tổng số tiền 26.240.000 đồng. Nay anh yêu cầu chia đôi số vàng và số tiền hụi trên theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/5/2021, anh T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hụi 26.240.000 đồng.

Bị đơn chị Hồ Thanh T trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm: Chị thống nhất với phần trình bày của anh T về hôn nhân, con chung và nợ. Đối với tài sản chung, trong ngày tổ chức lễ cưới, gia đình anh T cho anh chị 01 lượng vàng 18k (01 bộ vòng đeo tay 14 chiếc), có sự chứng kiến của họ hàng hai bên, nhưng sau khi đám cưới xong khoảng 01 tháng thì chị bán được 21.000.000 đồng (anh T nói cho 01 lượng nhưng khi bán chỉ còn 06 chỉ), số tiền này chị đưa cho anh T sửa xe 5.000.000đ, cân đồ 5.000.000đ và mua chiếc xe cho anh T 5.500.000đ, số tiền còn lại đã chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Chị xác định đây là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, nhưng hiện nay đã sử dụng hết, không còn nên không đồng ý chia theo yêu cầu của anh T.

Đối với hai dây hụi tổng cộng 04 chung hụi nêu trên. Các chung hụi trên là do chị tham gia trước khi chị và anh T sống chung, chị là người trực tiếp đóng tiền các chung hụi trên, khi đóng tiền hụi không có ký tên, không người chứng kiến, nhưng các chủ hụi có sổ theo dõi. Chị có nhờ anh T đóng tiền hụi 01 lần là khoảng tháng 5/2020 số tiền 1.560.000đ, 02 chung hụi 1.000.000 của chị Đang, chị đưa tiền của chị cho anh T đi đóng hụi. Ngoài ra, anh T không đóng hụi lần nào khác. Nay anh T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hụi trên thì chị đồng ý.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T tự nguyện chia cho chị T 06 chỉ vàng 18k, anh 04 chỉ vàng 18k.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Anh T và chị T đều xác định trong tổ chức lễ cưới gia đình anh T có cho anh T và chị T một cây vàng 18k (bộ vòng đeo tay 14 chiếc), có sự chứng kiến của họ hàng hai bên, nên đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, chị T xác định sau khi đám cưới xong khoảng 01 tháng thì chị bán được 21.000.000 đồng (anh T nói cho 01 lượng nhưng khi bán chỉ còn 06 chỉ), số tiền này chị đưa cho anh T sửa xe 5.000.000đ, cân đồ 5.000.000đ và mua chiếc xe cho anh T 5.500.000đ, số tiền còn lại đã chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, nhưng chị T không đưa ra tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, nên có căn cứ ghi nhận sự tự nguyện của anh T chia cho chị T 06 chỉ vàng 18k và anh T 04 chỉ vàng 18k, hiện tại chị T đang giữ số vàng trên nên buộc chị T giao cho anh T 04 chỉ vàng 18k. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh T đối với số tiền hụi 26.240.000 đồng. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm anh T phải chịu theo quy định của pháp luật. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch anh T và chị T mỗi người phải chịu 5% tương ứng với giá trị tài sản được chia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị Hồ Thanh T, cư trú tại ấp M, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T yêu cầu ly hôn với chị Hồ Thanh T. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh T và chị T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2020 nhưng không đăng ký kết hôn, do vậy hôn nhân giữa anh chị là không hợp pháp, nay phát sinh mâu thuẫn yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận anh T và chị T là vợ chồng.

[6]. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Hồ Thanh T thống nhất xác định trong ngày tổ chức lễ cưới, gia đình anh T cho anh chị 01 lượng vàng 18k (bộ vòng đeo tay 14 chiếc), có sự chứng kiến của họ hàng hai bên. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử ghi nhận là sự thật. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T tự nguyện đồng ý chia cho chị T 06 chỉ vàng và yêu cầu chia cho anh 04 chỉ vàng (loại vàng 18k).

Tuy nhiên, chị T xác định sau khi đám cưới xong khoảng 01 tháng thì chị bán số vàng trên được 21.000.000 đồng (anh T nói cho 01 lượng nhưng khi bán chỉ còn 06 chỉ), số tiền này chị đưa cho anh T sửa xe 5.000.000đ, cân đồ 5.000.000đ và mua chiếc xe cho anh T 5.500.000đ, số tiền còn lại đã chi tiêu sinh hoạt trong gia đình nên không đồng ý chia theo yêu cầu của anh T. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm chị T không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của chị T. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T, chia cho anh T 04 chỉ vàng, chia cho chị T 06 chỉ vàng (loại vàng 18k), hiện nay chị T đang quản lý số vàng trên nên chị T có nghĩa vụ giao cho anh T 04 chỉ vàng.

Đối với số tiền hui 26.240.000 đồng. Ngày 07/5/2021, anh Nguyễn Văn T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hui trên, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hui 26.240.000 đồng.

[7]. Về con chung và nợ: Anh Nguyễn Văn T và chị Hồ Thanh T xác định, anh chị không có con chung và cũng không nợ ai, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch anh T phải chịu 796.400 đồng (04 chỉ vàng x 3.982.000đ/01 chỉ x 5%) chị T phải chịu số tiền 1.194.600 đồng (06 chỉ vàng x 3.982.000đ/01 chỉ x 5%).

[9]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 91; khoản 2 Điều 9; khoản 2 Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, 38, 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn T và chị Hồ Thanh T là vợ chồng.

2. Về tài sản: Chia cho anh Nguyễn Văn T 04 chỉ vàng (loại vàng 18k), chia cho chị Hồ Thanh T 06 chỉ vàng (loại vàng 18k). Hiện tại chị T đang quản lý số vàng trên nên buộc chị T giao cho anh T 04 chỉ vàng (loại vàng 18k).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T đối với số tiền hụi 26.240.000 đồng.

3. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 796.400 đồng. Anh T đã nộp tạm ứng án phí 1.956.000 đồng theo các biên lai thu số 0008045 và 0008046 cùng ngày 11 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ. Hoàn trả cho anh T số tiền 860.600 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Hồ Thanh T phải nộp số tiền 1.194.600 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Các đương sự nộp và nhận số tiền trên tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

4. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T và chị Hồ Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Tăng Giàu

